PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

"Điều khoản tham chiếu" bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Giới thiệu chung về dự án

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào – Văn Lem).

2. Cấp quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Kon Đào.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Kon Đào, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Mục tiêu đầu tư:

Từng bước hoàn thành hạ tầng giao thông, kết nối xã Kon Đào Văn với xã Văn Lem và huyên Tu Mơ Rông, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại vận chuyển hang hóa nông sản, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân trong vùng và hai huyện; đảm bảo kết nối các trung tâm kinh tế chính trị, các đầu mối giao thông quan trọng (Quốc lộ QL40B), góp phần đạt tiêu chí nông thôn mới.

6. Quy mô đầu tư:

6.1. Loại và cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình giao thông.

- Cấp công trình: Cấp IV (theo Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021).

- Nhóm dự án: Nhóm B. (theo NĐ số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020).

6.2. Quy mô đầu tư:

* Phần đường:

- Cấp đường: Đường cấp V miền núi (theo TCVN 4054:2005).

- Vận tốc thiết kế: Vtk = 30 km/h.

- Phạm vi tuyến đầu tư: Điểm đầu Km0 giao với Quốc lộ 40B tại lý trình Km200+950; điểm cuối Km12+117 giao với tuyến tránh đèo Văn Rơi tại Km14+900.

- Tổng chiều dài tuyến nâng cấp, mở rộng L = 12,12km.

- Bề rộng nền đường Bn = 6,5m. Trong đó bề rộng mặt đường Bm = 3,5m. Bề rộng lề đường gia cố: Blgc = 1,0m × 2 bên = 2,0m. Bề rộng lề đường đất: Blđ=0,5m × 2 bên = 1,0m.

- Độ dốc dọc tối đa Idmax = 12% (châm chước theo Công văn số 171/VP-HTKT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Kết cấu mặt đường và lề gia cố: Bằng bê tông nhựa, kết cấu như sau:

(i) Kết cấu loại 1: Cho các đoạn chỉnh tuyến cục bộ (dài khoảng 0,58km) và phần mặt đường cạp rộng: Bê tông nhựa chặt C12,5 dày 7cm; tưới nhựa thấm bám TCN 1 lít/m; móng cấp phối đá dăm loại I, Dmax25 dày 25cm; móng cấp phối đá dăm loại II, Dmax37,5 dày 15cm.

(ii) Kết cấu loại 2: Tăng cường trên mặt đường cũ các đoạn có 80Mpa>E0≥60Mpa (đoạn Km2+183 đến điểm cuối tuyến): Bê tông nhựa chặt C12,5 dày 7cm; tưới nhựa thấm bám TCN 1 lít/m; móng cấp phối đá dăm loại, Dmax25 dày 25cm; bù vênh cấp phối đá dăm trên mặt đường cũ bằng cấp phối đá dăm loại I, Dmax25.

(iii) Kết cấu loại 3: Tăng cường trên mặt đường cũ các đoạn có E0≥80 Mpa (đoạn K0+00 đến Km2+183): Bê tông nhựa chặt C12,5 dày 7cm; tưới nhựa thấm bám TCN 1 lít/m; móng cấp phối đá dăm loại I, Dmax25 dày 15cm; bù vênh cấp phối đá dăm trên mặt đường cũ bằng cấp phối đá dăm loại I, Dmax25.

- Kết cấu lề đường không gia cố: Bằng đất đầm chặt K≥95.

- Mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc≥ 130Mpa.

- Tải trọng trục tiêu chuẩn thiết kế nền, mặt đường: Trục xe 10T.

- Cống:

+ Tải trọng thiết kế cống thoát nước: H30-XB80 (theo định hình 533-01-01, 533-01-02 của Viện Khoa học kỹ thuật - Bộ Giao thông vận tải).

+ Tần suất tính toán thủy văn nền đường, cống P = 4%.

+ Tận dụng những cống còn sử dụng tốt, sửa chữa các cống bị hư hỏng; đồng thời nối cống để phù hợp với bề rộng nền đường.

+ Thiết kế bổ sung cống mới tại một số vị trí cần thiết để đảm bảo thoát nước.

+ Kết cấu cống: Bằng bê tông và bê tông cốt thép.

- Rãnh dọc: Tùy theo điều kiện địa hình từng đoạn tuyến, tận dụng một số đoạn rãnh dọc gia cố cũ còn sử dụng được. Những đoạn thiết kế mở rộng và đoạn chỉnh tuyến, thiết kế rãnh hình thang kích thước (40x40x120)cm hoặc rãnh bê tông cốt thép hình chữ nhật tại các đoạn qua khu đông dân cư. Kết cấu rãnh gia cố bằng bê tông.

- Công trình cầu:

+ Tại lý trình Km1+924,29 thiết kế mới cầu dầm bê tông cốt thép dự ứng lực, chiều dài nhịp Ln=1×24m, B=(0,5+5,5+0,5)m=6,5m, tải trọng thiết kế HL93.

+ Tại lý trình Km6+799,77 tận dụng cầu bản bê tông cốt thép chiều dài nhịp L=6,6m; thiết kế mở rộng 2,5m về phía thượng lưu.

- Thiết kế tường chắn taluy, gia cố mái taluy, nút giao.

- An toàn giao thông: Bố trí vạch sơn, cọc tiêu, biển báo, tường hộ lan, ... theo Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam QCVN41:2019.

2. Gói thầu tư vấn

- Tên gói thầu: Tư vấn quản lý dự án.

- Giá gói thầu: 1.140.251.000 đồng.

- Nguồn vốn: Nguồn thu sử dụng đất cấp tỉnh quản lý giai đoạn 2021–2025 và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

3. Mục đích tuyển chọn nhà thầu

Lựa chọn nhà thầu tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm và nhân sự để thực hiện công tác quản lý dự án theo đúng quy định pháp luật, bảo đảm tiến độ, chất lượng, chi phí, an toàn giao thông và hiệu quả đầu tư của dự án.

II. Phạm vi công việc:

1. Yêu cầu quản lý phạm vi và kế hoạch công việc

- Xác định phạm vi: Thiết lập ranh giới rõ ràng về mục tiêu đầu tư, quy mô công trình, các hạng mục chính và phụ trợ. Phân định rõ các công việc thuộc dự án và các công việc nằm ngoài dự án để tránh chồng chéo hoặc phát sinh không kiểm soát.

- Lập kế hoạch công việc: Xây dựng cấu trúc phân chia công việc. Kế hoạch phải bao quát toàn bộ vòng đời dự án: Chuẩn bị đầu tư - Thực hiện đầu tư (Thiết kế, Đấu thầu, Thi công) - Kết thúc đầu tư (Bàn giao, Vận hành).

- Kiểm soát thay đổi: Thiết lập quy trình phê duyệt khi có sự thay đổi về quy mô, thiết kế cơ sở để đảm bảo dự án không bị "trượt" khỏi mục tiêu ban đầu.

2. Quản lý khối lượng công việc

- Quản lý khối lượng là cơ sở để kiểm soát chi phí và thanh toán.

- Xác định khối lượng: Dựa trên hồ sơ thiết kế (Thiết kế cơ sở, TKBVTC) để bóc tách khối lượng chi tiết cho từng hạng mục (đào đắp, bê tông, cốt thép, ván khuôn, hoàn thiện...).

- Kiểm soát khối lượng thi công: Giám sát, đo đạc thực tế tại hiện trường. So sánh khối lượng thực tế với khối lượng mời thầu/hợp đồng.

- Quản lý phát sinh: Kiểm soát chặt chẽ các khối lượng tăng/giảm ngoài hợp đồng, đảm bảo có đầy đủ hồ sơ pháp lý, biên bản hiện trường xác nhận trước khi thực hiện.

3. Quản lý chất lượng xây dựng

- Thực hiện theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP, đảm bảo công trình an toàn và bền vững.

- Quản lý chất lượng đầu vào: Kiểm soát năng lực nhà thầu, nhân sự, máy móc thiết bị; Thí nghiệm, kiểm định vật liệu, cấu kiện trước khi đưa vào công trình.

- Quản lý chất lượng thi công: Giám sát quy trình thi công, nghiệm thu từng công việc (nghiệm thu nội bộ, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai

đoạn).

- Hệ thống tài liệu: Thiết lập hệ thống Nhật ký thi công, Biên bản nghiệm thu, Hồ sơ hoàn công và Quy trình bảo hành, bảo trì công trình.

4. Quản lý tiến độ thực hiện (Schedule Management)

- Quản lý tiến độ: Sử dụng phương pháp đường găng (CPM) hoặc biểu đồ Gantt để xác định trình tự găng, các mốc quan trọng (Milestones);

- Tiến độ phải chia nhỏ: Tiến độ tổng thể, tiến độ năm, quý, tháng và tuần.

- Theo dõi và điều chỉnh: Cập nhật tiến độ thực tế so với kế hoạch cơ sở (Baseline). Phân tích nguyên nhân chậm trễ (do mặt bằng, thời tiết, năng lực nhà thầu...) để có giải pháp bù tiến độ kịp thời.

5. Quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Cost Management)

- Thực hiện theo Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thanh toán và Quyết toán: Kiểm soát hồ sơ thanh toán theo giai đoạn (Tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành, quyết toán hợp đồng).

- Quản lý dòng tiền: Lập kế hoạch vốn phù hợp với tiến độ thi công để đảm bảo khả năng thanh toán cho các nhà thầu.

6. Quản lý an toàn trong thi công xây dựng (HSE)

- Chính sách an toàn: Nhà thầu phải lập kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động.

- Biện pháp cụ thể: Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, lắp đặt biển báo, rào chắn; huấn luyện an toàn định kỳ cho công nhân.

- Kiểm soát rủi ro an toàn: Đặc biệt lưu ý các công tác nguy hiểm như: làm việc trên cao, thi công trong không gian kín, an toàn điện, và an toàn cháy nổ.

7. Quản lý bảo vệ môi trường trong xây dựng

- Đánh giá tác động: Tuân thủ báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

- Kiểm soát ô nhiễm: Các biện pháp giảm thiểu bụi (tưới nước, che chắn), tiếng ồn, rung chấn. Quản lý chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại đúng quy định.

- Hoàn trả mặt bằng: Đảm bảo vệ sinh môi trường, thanh thải vật liệu thừa sau khi kết thúc dự án.

9. Quản lý rủi ro

- Nhận diện rủi ro: Xác định các rủi ro tiềm ẩn (Pháp lý, Giải phóng mặt bằng, Bão giá vật liệu, Thiên tai, Dịch bệnh...).

- Phân tích và Ứng phó: Đánh giá mức độ ảnh hưởng và xác suất xảy ra. Lập phương án ứng phó: Chấp nhận, Né tránh, Chuyển giao (mua bảo hiểm công trình), hoặc giảm thiểu.

10. Quản lý hệ thống thông tin công trình

- Lưu trữ hồ sơ: Thiết lập quy trình lưu trữ hồ sơ pháp lý, hồ sơ chất lượng, hồ sơ hoàn công một cách khoa học (cả bản cứng và bản mềm).

- Ứng dụng công nghệ: Khuyến khích áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM) để quản lý xung đột thiết kế và quản lý vòng đời công trình. Sử dụng phần mềm quản lý dự án để cập nhật thông tin theo thời gian thực.

11. Thời gian huy động chuyên gia

- Thời điểm bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Nhân sự chủ chốt phải được huy động phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, bảo đảm có mặt khi triển khai các công việc chính.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Nhà thầu tư vấn phải lập và nộp các báo cáo sau:

- Báo cáo khởi động và kế hoạch quản lý dự án.

- Báo cáo định kỳ (tháng/quý) theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Báo cáo đột xuất khi có vấn đề phát sinh ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, chi phí.

- Báo cáo tổng kết, báo cáo hoàn thành nhiệm vụ tư vấn.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

1. Yêu cầu về kinh nghiệm

Nhà thầu phải có tối thiểu 01 hợp đồng tư vấn quản lý dự án đã thực hiện đối với dự án nhóm B, lĩnh vực công trình giao thông hoặc tương tự.

2. Yêu cầu về nhân sự

Nhà thầu phải bố trí tối thiểu:

01 Giám đốc quản lý dự án;

03 Chuyên gia có chuyên môn phù hợp với quản lý dự án công trình giao thông.

Nhân sự phải có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ hành nghề và kinh nghiệm phù hợp, đáp ứng Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT (Chương III).

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý, tài liệu liên quan đến dự án.

- Bố trí cán bộ phối hợp, hỗ trợ nhà thầu tư vấn.

- Tạo điều kiện thuận lợi để nhà thầu hoàn thành nhiệm vụ.

- Thanh toán cho nhà thầu theo đúng hợp đồng đã ký kết.